

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN YÊN - TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 8 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Đạo;
2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Bích Ng, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Thịnh Vượng, xã Quy mông, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T (Tên trong trích lục kết hôn Nguyễn Duy T), sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Thịnh Vượng, xã Quy Mông, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Bích Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T (Nguyễn Duy T) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quy Mông, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 05/8/2010 (Giấy trích lục kết hôn số: 40/TLKH-BS ngày 13/7/2023). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn Thịnh Vượng, xã Quy Mông, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái. Chị Lê Bích Ng xác định tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung và anh T có những lời nói xúc phạm đến tôi. Nay tôi (Ng) xác

định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Văn T (Nguyễn Duy T).

Về con chung: Chị Lê Bích Ng và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 15/6/2011; Nguyễn Đức Duy, sinh ngày 26/02/2014. Ly hôn, chị Ng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con là cháu Thư, Duy và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 1.000.000đ/1 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Bích Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 14/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T công nhận lời trình bày của chị Lê Bích Ng về thời gian và địa điểm kết hôn. Anh T xác định tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc gần đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hiểu lầm trong cuộc sống. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn với chị Lê Bích Ng.

Về con chung: Anh và chị Lê Bích Ng có 02 con chung là Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 15/6/2011; Nguyễn Đức Duy, sinh ngày 26/02/2014, nếu chị Ng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh (T) có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu Thư và Duy, không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Bích Ng có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T, nơi cư trú: Thôn Thịnh Vượng, xã Quy Mông, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Bích Ng và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Quy Mông, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 05/8/2010 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đến nay cả vợ chồng không ai quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, chị Lê Bích Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T xác định tình cảm vợ chồng với chị Ng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn nhưng anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy Hội đồng xét xử xác định tình cảm vợ chồng trong hôn nhân của chị Lê Bích Ng và

anh Nguyễn Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ xử cho chị Lê Bích Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Bích Ng và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 15/6/2011; Nguyễn Đức Duy, sinh ngày 26/02/2014. Ly hôn, chị Lê Bích Ng có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và tại phiên tòa chị Ngọc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn T có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị Ngọc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị Lê Bích Ng và anh Nguyễn Văn T đều có công việc ổn định và có thu nhập đủ điều kiện để nuôi dạy con chung, vì vậy Hội đồng xét xử, xử giao cho chị Ng trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức Duy; anh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Anh Thư không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Bích Ng và anh Nguyễn Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Bích Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Bích Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn T (Nguyễn Duy T).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Duy, sinh ngày 26/02/2014 cho chị Lê Bích Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 15/6/2011 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con (Thư và Duy) đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Ng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Bích Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng) đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2022/0000467 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trấn Yên.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- UBND xã Quy Mông;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh